| | |
|---|---|
| **UBND XÃ NGHĨA HƯNG**<br>**TRƯỜNG THCS NGHĨA TRUNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 02 /QĐ-CKTSC | *Nghĩa Hưng, ngày 24 tháng 02 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình quản lý sử dụng tài sản công năm 2025 của Trường THCS Nghĩa Trung**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGHĨA TRUNG

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Xét đề nghị của tập thể CBGV trường THCS Nghĩa Trung.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025 của Trường THCS Nghĩa Trung (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận Tài chính, các bộ phận liên quan trường THCS Nghĩa Trung thực hiện Quyết định này./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Phòng KT;<br>- Phòng VH;<br>- Lưu :VT. | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**<br>UBND XÃ NGHĨA HƯNG T. NAM ĐỊNH<br>TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGHĨA TRUNG<br>HIỆU TRƯỞNG<br>**NGUYỄN DUY CỔN** |

Bộ, tỉnh: Tỉnh Nam Định

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Nghĩa Trung

Mã đơn vị: 1076222

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

# CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

## Năm 2025

| STT | Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp | Công khai về đất | | | | | | | | Công khai về nhà | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Diện tích (m2) | Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng) | Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2) | | | | | | Năm sử dụng | Tổng diện tích sàn sử dụng (m2) | Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng) | | Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2)) | | | | | | | |
| | | | | Trụ sở làm việc | Hoạt động sự nghiệp | | | | Sử dụng khác | | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Trụ sở làm việc | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác | |
| | | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | | | | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |
| 1 | Đất tại Xóm 5, xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định | 378 | 4.915.300 | | 378 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Đất trường THCS xã Nghĩa Trung tại Xóm 5, Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định | 4.787 | 62.233.600 | | 4.787 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Nhà lớp học 2 tầng tại Xóm 5, Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định | | | | | | | | | 2008 | 150 | 420.000 | 120.340 | | 150 | | | | | | |
| 4 | Nhà lớp học 3 tầng tại Xóm 5, Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định | | | | | | | | | 2002 | 300 | 720.000 | 28.800 | | 300 | | | | | | |
| 5 | Nhà lớp học 2 tầng | | | | | | | | | 2020 | 312 | 2.407.951 | 1.830.043 | | 312 | | | | | | |

Mẫu số 09a-CK/TSC

Bộ, tỉnh: Tỉnh Nam Định
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Nghĩa Trung
Mã đơn vị: 1076222
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

# CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

## Năm 2025

| Stt | Tên tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Giá mua/thuê (Nghìn đồng) | Hình thức mua sắm/thuê | Nhà cung cấp (người bán) | Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiệ... (nếu có) | Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có) | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | Nộp NSNN (Nghìn đồng) | Được để lại đơn vị (Nghìn đồng) | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **I** | **Đầu tư xây dựng, mua sắm** | | | | | | **49.800** | | | | | | |
| **4** | **Tài sản cố định khác** | | | | | | **49.800** | | | | | | |
| | Máy tính xách tay | Cái | 1 | | Việt Nam | | 14.850 | | | | | | |
| | Máy vi tính để bàn | Bộ | 1 | | Việt Nam | | 11.650 | | | | | | |
| | Máy vi tính để bàn | Bộ | 1 | | Việt Nam | | 11.650 | | | | | | |
| | Máy vi tính để bàn | Bộ | 1 | | Việt Nam | | 11.650 | | | | | | |
| | **Tổng cộng** | | | | | | **49.800** | | | | | | |

*Ngày 31 tháng 01 năm 2026*

**Người lập báo cáo**
*(Ký, họ tên)*

**Bùi Thị Hà**

**Thủ trưởng đơn vị**
*(Ký, họ tên và đóng dấu)*

U.B.N.D XÃ NGHĨA TRUNG TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGHĨA TRUNG

**Nguyễn Duy Cổn**

| STT | Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp | Công khai về đất | | | | | | | | Công khai về nhà | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Diện tích (m2) | Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng) | Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2) | | | | | | Năm sử dụng | Tổng diện tích sàn sử dụng (m2) | Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng) | | Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2)) | | | | | | | |
| | | | | Trụ sở làm việc | Hoạt động sự nghiệp | | | | Sử dụng khác | | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Trụ sở làm việc | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác | |
| | | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | | | | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |
| 6 | Nhà vệ sinh | | | | | | | | | 2013 | 96 | 79.162 | 36.937 | | 96 | | | | | | |
| | **Tổng cộng:** | **5.165** | **67.148.900** | | **5.165** | | | | | | **858** | **3.627.113** | **2.016.120** | | **858** | | | | | | |

*Ngày 31 tháng 01 năm 2026*

**Người lập báo cáo**

*(Ký, họ tên)*

**Bùi Thị Hà**

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, họ tên và đóng dấu)*

U.B.N.D XÃ NGHĨA HƯNG TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGHĨA TRUNG

**Nguyễn Duy Cổn**

Bộ, tỉnh: Tỉnh Nam Định

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Nghĩa Trung

Mã đơn vị: 1076222

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

# CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

## Năm 2025

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) | | | | Mục đích sử dụng | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng cộng | Nguyên giá | | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
| | | | | | Nguồn ngân sách | Nguồn khác | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| **I** | **Tài sản cố định khác** | | **44** | **629.301** | **584.229** | **45.072** | **58.040** | | | | | | | |
| 1 | Âm thanh di động | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 31.000 | 31.000 | | | | | | | | | x |
| 2 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | 2.200 | | | | | | | x |
| 3 | Máy vi tính để bàn | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 4 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 5 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 6 | Máy vi tính để bàn | Phòng Âm nhạc | 1 | 11.650 | 11.650 | | 9.320 | | | | | | | x |
| 7 | Máy vi tính để bàn | Phòng Y tế | 1 | 11.650 | 11.650 | | 9.320 | | | | | | | x |
| 8 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | | | | | | | | x |
| 9 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | 2.200 | | | | | | | x |
| 10 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | 2.200 | | | | | | | x |
| 11 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 12 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | | | | | | | | x |
| 13 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | | | | | | | | x |
| 14 | Máy vi tính để bàn | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 15 | Máy vi tính để bàn | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 16 | Phần mềm kế toán | Kế toán | 1 | 12.000 | 12.000 | | 7.200 | | | | | | | x |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) | | | | Mục đích sử dụng | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng cộng | Nguyên giá | | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
| | | | | | Nguồn ngân sách | Nguồn khác | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 17 | Thiết bị âm thanh | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 31.000 | 31.000 | | | | | | | | | x |
| 18 | Ti vi Panasonic | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 12.572 | | 12.572 | | | | | | | | x |
| 19 | Ti vi Sam sung 48inch | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 12.500 | | 12.500 | | | | | | | | x |
| 20 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 21 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | 2.200 | | | | | | | x |
| 22 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | | | | | | | | x |
| 23 | Máy vi tính để bàn | Phòng hành chính | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 24 | Âm thanh di động | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 31.000 | 31.000 | | | | | | | | | x |
| 25 | Bồn hoa khu vực vỉ hè | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 10.020 | 10.020 | | | | | | | | | x |
| 26 | Máy chiếu | Phòng tiếng anh | 1 | 26.000 | 26.000 | | | | | | | | | x |
| 27 | Máy chiếu Epson EB-01 | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 18.200 | 18.200 | | | | | | | | | x |
| 28 | Máy lọc nước tinh khiết | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 62.000 | 62.000 | | | | | | | | | x |
| 29 | Máy tính xách tay | Phòng hiệu trưởng | 1 | 14.850 | 14.850 | | 11.880 | | | | | | | x |
| 30 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 31 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 32 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 33 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 34 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 35 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | 2.200 | | | | | | | x |
| 36 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.650 | 11.650 | | 9.320 | | | | | | | x |
| 37 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | | | | | | | | x |
| 38 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | | | | | | | | x |
| 39 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | | | | | | | | x |

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) | | | | Mục đích sử dụng | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng cộng | Nguyên giá | | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
| | | | | | Nguồn ngân sách | Nguồn khác | | | | | | | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| 40 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 11.000 | 11.000 | | | | | | | | | x |
| 41 | Máy vi tính để bàn | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 42 | Máy vi tính để bàn | Phòng tin học | 1 | 10.500 | 10.500 | | | | | | | | | x |
| 43 | Ti vi Sam sung 49 inch | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 12.709 | 12.709 | | | | | | | | | x |
| 44 | Tường bao | Trường THCS xã Nghĩa Trung | 1 | 20.000 | | 20.000 | | | | | | | | x |
| | **Tổng cộng** | | **44** | **629.301** | **584.229** | **45.072** | **58.040** | | | | | | | |

*Ngày 31 tháng 01 năm 2026*

**Người lập báo cáo**

*(Ký, họ tên)*

**Bùi Thị Hà**

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, họ tên và đóng dấu)*

U.B.N.D XÃ NGHĨA HƯNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGHĨA TRUNG

**Nguyễn Duy Cổn**

Bộ, tỉnh: Tỉnh Nam Định

Mẫu số 09đ-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Nghĩa Trung

Mã đơn vị: 1076222

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

# CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

## Năm 2025

| Stt | Tên tài sản | Kinh doanh | | | Cho thuê | | | | | | Liên doanh, liên kết | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh | Hình thức kinh doanh | Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng) | Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê | Đơn giá thuê | Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản | Hợp đồng cho thuê tài sản (số …, ngày…) | Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...) | Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng) | Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết | Đối tác liên doanh liên kết | Hình thức liên doanh, liên kết | Hợp đồng liên doanh, liên kết (số …, ngày…) | Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...) | Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| **I** | **Đất** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Nhà** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **III** | **Xe ôtô** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **IV** | **Tài sản cố định khác** | | | | | | | | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | | | | | | | | |

*Ngày 31 tháng 01 năm 2026*

**Người lập báo cáo**

*(Ký, họ tên)*

**Bùi Thị Hà**

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, họ tên và đóng dấu)*

U.B.N.D XÃ NGHĨA HƯNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGHĨA TRUNG

**Nguyễn Duy Cổn**

Bộ, tỉnh: Tỉnh Nam Định

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học cơ sở Nghĩa Trung

Mã đơn vị: 1076222

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

# CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

## Năm 2025

| STT | Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý | Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng) | | | Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền | | | | | | Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo | Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng) | | | Chi phí xử lý | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên giá | | Giá trị còn lại | Điều chuyển | Bán | Thanh lý | Tiêu hủy | Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại | Xử lý khác | | Tổng cộng | Đã nộp tài khoản tạm giữ | Chưa nộp tài khoản tạm giữ | | |
| | | Nguồn ngân sách | Nguồn khác | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| I | Đất | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Nhà | | | | | | | | | | | | | | | |
| III | Xe ô tô | | | | | | | | | | | | | | | |
| IV | Tài sản cố định khác | | | | | | | | | | | | | | | |

*Ngày 31 tháng 01 năm 2026*

**Người lập báo cáo**

*(Ký, họ tên)*

**Bùi Thị Hà**

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, họ tên và đóng dấu)*

U.B.N.D XÃ NGHĨA HƯNG T. NAM ĐỊNH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGHĨA TRUNG

**Nguyễn Duy Cổn**